|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM**  HỌ VÀ TÊN: ………………………………….  LỚP: ………………PHÒNG THI :…………... | | **KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **Ngày ..............................................** | | SỐ THỨ TỰ  ………………… |
| **MÔN: VẬT LÝ 9**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  ***(Đề thi có 04 trang)*** | Số ký danh  …………….. | Chữ ký CBCT 1 | Chữ ký CBCT 2 | SỐ MẬT MÃ  ………………… |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ĐIỂM BÀI KIỂM TRA**  ………………………………… | Chữ ký Giám khảo 1 | Chữ ký Giám khảo 2 | Số mật mã :  -----------------  Số thứ tự :  ----------------- |

**KIỂM TRA HỌC KỲ I – MÔN: VẬT LÝ – KHỐI 9 – NĂM HỌC 2023-2024**

**I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) *(Học sinh ghi đáp án đúng nhất vào Bảng trả lời)***

**Câu 1.** Khi thay đổi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn đó có mối quan hệ:

A. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó

B. tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó

C. chỉ tỉ lệ khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó tăng

D. chỉ tỉ lệ khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó giảm

**Câu 2.** Trên hình vẽ. Hãy cho biết đồ thị nào biểu diễn **đúng** mối quan hệ giữa cường độ dòng điện I(A) chạy trong dây dẫn và hiệu điện thế U(V) đặt vào hai đầu dây dẫn đó?

U(V)

O

I(A)

Đồ thị 1

U(V)

O

I(A)

Đồ thị 2

U(V)

O

I(A)

Đồ thị 4

U(V)

O

I(A)

Đồ thị 3

A. Đồ thị 1 B. Đồ thị 2 C. Đồ thị 3 D. Đồ thị 4

**Câu 3.** Lựa chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.

…………. của dây dẫn càng nhỏ thì dây dẫn đó dẫn điện càng tốt.

A. Điện trở B. Chiều dài C. Cường độ D. Hiệu điện thế

**Câu 4.** Điều nào sau đây là **sai** khi nói về điện trở dây dẫn?

A. Điện trở dây dẫn tỉ lệ thuận với chiều dài của dây

B. Điện trở dây dẫn tỉ lệ nghịch với tiết diện của dây

C. Điện trở của dây dẫn không phụ thuộc vào bản chất của dây

D. Điện trở dây dẫn phụ thuộc vào nhiệt độ

**Câu 5.** Có ba dây dẫn với chiều dài và tiết diện như nhau. Dây thứ nhất bằng bạc có điện trở R1. Dây thứ hai bằng đồng có điện trở R2. Dây thứ ba bằng nhôm có điện trở R3. Hệ thức nào sau đây là đúng khi so sánh độ lớn của các điện trở?

A. R3 > R2 > R1 B. R1 > R3 > R2 C. R2 > R1 > R3 D. R1 > R2 > R3

**Câu 6.** Biến trở là dụng cụ dùng để điều chỉnh đại lượng nào trong mạch?

A. Cường độ dòng điện B. Hiệu điện thế C. Nhiệt độ của điện trở D. Chiều dòng điện

|  |
| --- |
| **THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY**  **VÌ ĐÂY LÀ PHÁCH SẼ RỌC ĐI MẤT** |

**Câu 7.** Dòng điện có cường độ 1 A chạy qua một điện trở 30 Ω trong thời gian 1 phút thì nhiệt lượng toả ra ở điện trở này có giá trị nào dưới đây?

A. Q = 7,2J B. Q = 1800J C. Q = 7200J D. Q = 3600J

**Câu 8.** Lợi ích của việc sử dụng tiết kiệm điện năng là:

A. Tiết kiệm tiền vào giảm chi tiêu trong gia đình

B. Các dụng cụ và các thiết bị điện sử dụng được lâu bền hơn

C. Giảm bớt các sự cố gây tổn hại chung do hệ thống cung cấp điện bị quá tải

D. Các câu trả lời A, B, C đều đúng

**BẢNG TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1:** | **Câu 2:** | **Câu 3:** | **Câu 4:** |
| **Câu 5:** | **Câu 6:** | **Câu 7:** | **Câu 8:** |

**II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 1. (2,0 điểm) Điền từ thích hợp vào chỗ trống**

a) ………………………….…….……… là những vật có từ tính vì nó có thể hút được sắt, thép, nikêlin, côban và các vật liệu khác.

Mỗi nam châm luôn có 2 cực từ:

* Cực Bắc: kí hiệu chữ ……………………………, được sơn màu đỏ (màu đậm).
* Cực Nam: kí hiệu chữ S, được sơn màu xanh hoặc màu trắng (màu nhạt).

b) Dòng điện chạy qua dây dẫn có hình dạng bất kì có thể gây ra tác dụng lực (gọi là lực từ) lên kim nam châm đặt trong ………..………..……..... Ta nói rằng dòng điện có ..............................…

c) Nam châm điện có cấu tạo gồm lõi sắt hoặc thép đặt vào trong một ống dây và cho …………… qua ống dây, lõi sắt thép bị …………….…………………, trở thành một nam châm và làm tăng tác dụng từ của ống dây.

d) Có thể làm tăng lực từ của nam châm điện tác dụng lên một vật bằng cách tăng ……………….. chạy qua các vòng dây hoặc tăng ……………………….… của ống dây.

**Câu 2. (1,5 điểm)** Hoàn thành các nhiệm vụ sau:

a) Nêu quy tắc nắm tay phải để xác định chiều đường sức từ của ống dây có dòng điện chạy qua.

b)Hình 1: Xác định cực của nguồn điện và chiều đường sức từ của ống dây.

Hình 2: Xác định cực của kim nam châm và chiều đường sức từ của ống dây.

Hình 1

A

B

Hình 2

+

\_

.

|  |
| --- |
| **THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY**  **VÌ ĐÂY LÀ PHÁCH SẼ RỌC ĐI MẤT** |

**Câu 3. (1,0 điểm)** Một bếp điện khi hoạt động bình thường có điện trở là R = 100Ω và cường độ dòng điện chạy qua bếp khi đó là 3A

1. Tính nhiệt lượng mà bếp tỏa ra trong 15 phút.
2. Mỗi ngày bếp điện này sử dụng 2 giờ. Tính điện năng phải trả cho việc sử dụng bếp điện đó trong 30 ngày, nếu giá điện là 2000đ/1kwh.

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

|  |
| --- |
| **THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY**  **VÌ ĐÂY LÀ PHÁCH SẼ RỌC ĐI MẤT** |

**Câu 4. (1,5 điểm)** Đoạn mạch AB có hiệu điện thế không đổi là 150 V gồm điện trở R1 = 20 Ω mắc song song với điện trở R2 = 60 Ω. Tính:

a) Tính cường độ dòng điện qua mỗi điện trở.

b)Tính công suất điện trên toàn bộ đoạn mạch trên.  
**c)** Mắc nối tiếp với đoạn mạch song song trên điện trở Rx thì công suất tiêu thụ toàn mạch giảm 3 lần. Tính Rx?

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………..

-**Hết-**

*Học sinh không được sử dụng tài liệu.*

*Giám thị không giải thích gì thêm.*

**MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1**

**MÔN: VẬT LÝ – KHỐI 9**

**1/ Ma trận đề kiểm tra:**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 1 từ nội dung bài 1 đến bài 14*

**- Thời gian làm bài:** *45 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 8 câu hỏi), mỗi câu 0,5 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Mối liên hệ I và U** |  | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,5 |
| **Điện trở - Định luật Ohm**  **-Đoạn mạch nối tiếp - song song**  **-Công và công suất điện . Định luật Joule-Lenz** |  | 3 |  |  | 2/3 |  | 1/3 |  | 3 | 1 | 4,5 |
| **Các yếu tố ảnh hưởng đến điện trở** |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 2,5 |
| **Biến trở** |  | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,5 |
| **Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tác dụng từ của nam châm, của dòng điện** |  | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,5 |
| **Từ trường** |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 1,5 |
| **Nam châm điện và một số ứng dụng của nam châm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Số câu** |  | **8** | **2** |  | **2/3** |  | **1/3** |  | 8 | 3 | 11 |
| **Điểm số** |  | **4** | **3** |  | **2** |  | **1** |  | **4** | **6** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |